

Bình Lộc, ngày 10 tháng 01 năm 2026

Phụ lục 1

THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH TẠI CƠ SỞ KHÁM BỆNH CHỮA BỆNH (Tại 1 thời điểm)

(Kèm theo Bản công bố số 60/BCB-BV ngày 10 / 01 /2026 của Bệnh viện ĐKKV Long Khánh)

I. Bác sỹ Y khoa

Đại học/Y khoa (Trường Đại học Y Dược Cần Thơ)

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/ Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	7720201	Đại học	Y khoa (Định hướng chuyên khoa Nội – Nhi)	Thực hành Nội khoa	- Khám lâm sàng, trình bệnh đầu giường, lâm bệnh án	Khoa Nội tổng hợp	02	20	130	390	0	20
					- Đái tháo đường - Bệnh tuyến thượng thận - Thoái hoá khớp - Loãng xương - Tăng huyết áp	Khoa Nội Thần kinh	02	20	97	291	0	20
					- Bệnh mạch vành - Xuất huyết tiêu hoá - Xơ gan - Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính	Khoa Nội Tim mạch – Lão học	02	20	94	282	0	20
					- Viêm phổi cộng đồng - Bệnh thận mạn - Suy hô hấp cấp - Đái tháo đường	Khoa Hồi sức tích cực & chống độc	02	20	34	102	0	20

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/học phần/ Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
					- Bệnh tuyến thượng thận							
				Thực hành Nhi khoa	- Khám lâm sàng, trình bệnh đầu giường, làm bệnh án Nhi khoa - Viêm phổi - Hen phế quản - Tiêu chảy cấp/ Lỵ - Sốt xuất huyết - Tay chân miệng - Hội chứng thận hư/ VCTC - Hội chứng thiếu máu/ HC tán huyết - Nhiễm trùng sơ sinh - Suy hô hấp/ vàng da sơ sinh - Hội chứng sốc, suy hô hấp - Hội chứng co giật - Tim bẩm sinh - Suy dinh dưỡng	Khoa Nhi	02	20	117	351	0	20
					- Khám lâm sàng, trình bệnh đầu giường, làm bệnh án Ngoại khoa - Viêm ruột thừa và biến chứng của VRT - Viêm túi mật do sỏi	Khoa Ngoại tổng hợp	02	20	103	309	0	20

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/ Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
					phẫu hoặc hậu phẫu) - Ngồi mông (tiền phẫu hoặc hậu phẫu) - Chuyển dạ đình trệ (tiền phẫu hoặc hậu phẫu) - Viêm vùng chậu (áp xe phần phụ) - Ối vỡ non							
Tổng cộng							20	200	865	2595	0	200

II. Dược sỹ

2.1. Đại học/Dược sỹ (Trường Đại học Miền Đông)

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/ Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	7720201	Đại học	Dược sỹ	Thực hành Quản lý và cung ứng thuốc	Cung cấp các kiến thức thực tiễn liên quan đến quản lý, tồn trữ, cung ứng thuốc, và các nguyên tắc GPs có liên	Khoa Dược	4	40			0	40

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/ Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
					quan. Mặc khác rèn luyện tác phong làm việc trong môi trường nghề nghiệp thực tế.							
Tổng cộng							4	40			0	40

2.2. Cao đẳng/ Dược sỹ

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/ Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	6720201	Cao đẳng	Dược sỹ	Thực hành Quản lý và cung ứng thuốc	Cung cấp các kiến thức thực tiễn liên quan đến quản lý, tồn trữ, cung ứng thuốc, và các nguyên tắc GPs có liên quan. Mặc khác rèn luyện tác	Khoa Dược	4	40			0	40

					phong làm việc trong môi trường nghề nghiệp thực tế.							
Tổng cộng							4	60			0	60

III. Điều dưỡng

3.1. Đại học/ Điều dưỡng

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/học phần/ Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	7720301	Đại học	Điều dưỡng	Thực hành kỹ năng lâm sàng Điều dưỡng cơ sở và Kiểm soát nhiễm khuẩn	Tiếp nhận NB đến khám và điều trị tại khoa nội.	Nội Tổng hợp	1	10	130	390	0	10
					KT đo DHST							
					KT tiêm truyền cho NB	Nội Thần kinh	1	10	97	291	0	10
					KT thở oxy, hút đàm nhớt.	Nội TM-LH	1	10	94	282	0	10
					Tiếp nhận NB đến khám và điều trị tại khoa Ngoại Tổng hợp.	Ngoại Tổng hợp	1	10	103	309	0	10
					KT cho NB ăn qua sonde.							
					KT di chuyển NB. Kỹ thuật thông tiểu.	Ngoại Thận-TN	1	10	50	150	0	10
2	7720301	Đại học	Điều dưỡng	Thực hành kỹ năng lâm sàng	KT thay băng, cắt chỉ vết thương.	CTCH	1	10	90	270	0	10
					Tiếp nhận NB đến khám và điều trị tại khoa Nội thần kinh. KT đo DHST. Lập KHCS NB cao tuổi	Nội Thần kinh	1	10	97	291	0	10

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
				chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa và người cao tuổi.	mắc bệnh xương khớp. Lập KHCS NB bệnh lý hệ thần kinh. Tiếp nhận NB đến khám và điều trị tại khoa Nội TH. KT thay băng vết thương. Lập KHCS NB lý hệ tiết niệu. Lập KHCS NB bệnh lý hệ nội tiết. KT tiêm truyền cho NB. KT thở oxy, hút đàm nhớt. Lập KHCS NB hệ hô hấp. KT di chuyển NB Lập KHCS NB hệ tiêu hóa.	Nội Tổng hợp	1	10	130	390	0	10
				Thực hành kỹ năng lâm sàng chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh truyền	Tiếp nhận NB đến khám và điều trị tại khoa nhiễm. KT đo DHST. KT cho NB ăn qua sonde. KT tiêm truyền cho NB. KT lấy máu xét nghiệm. KT thở oxy, hút đàm nhớt. Cho ăn qua sonde mũi-dạ dày. Trợ giúp BS chọc dịch não tủy							
3	7720301	Đại học	Điều dưỡng			Truyền nhiễm	1	10	72	216	0	10

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
				nhiệm	Lập KHCS NB lý Lập KHCS NB cúm. Lập KHCS NB thủy đậu. Lập KHCS NB viêm màng não mủ. Lập KHCS NB uốn ván.							
4	7720301	Đại học	Điều dưỡng	Thực hành kỹ năng lâm sàng chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh ngoại khoa	Tiếp đón NB đến khám và điều trị tại khoa ngoại TH. KT đo dấu hiệu sinh tồn. Di chuyển NB Lập KHCS NB hệ tiêu hóa.	Ngoại Tổng hợp	1	10	103	309	0	10
					Tiếp đón NB đến khám và điều trị tại khoa Ngoại Thận - Tiết niệu. KT thông tiểu KT thay băng, chăm sóc- dẫn lưu Lập KHCS NB hệ tiết niệu.	Ngoại Thận - Tiết niệu	1	10	50	150	0	10
					Tiếp đón NB đến khám và điều trị tại khoa Chấn thương chỉnh hình. KT thay băng, cắt chỉ. KT tiêm truyền. KT lấy máu xét nghiệm Lập KHCS NB hệ ngoại	Chấn thương chỉnh hình	1	10	90	270	0	10

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
					xương khớp.							
5	7720301	Đại học	Điều dưỡng	Thực hành kỹ năng lâm sàng chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ, gia đình	Tiếp nhận thai phụ đến khám và theo dõi định kỳ tại khoa sản. Tiến hành khám và theo dõi thai phụ trong 3 tháng đầu thai kỳ. Tiến hành khám và theo dõi thai phụ trong 3 tháng giữa thai kỳ. Tiến hành khám và theo dõi thai phụ trong 3 tháng cuối thai kỳ. TD các dấu hiệu chuyển dạ. KT đỡ đẻ thường. Khám và nhận định trẻ sơ sinh sau sanh TD và chăm sóc vết may tầng sinh môn. TV và hướng dẫn cho sản phụ nuôi con bằng sữa mẹ. HD sản phụ áp dụng các biện pháp tránh thai sau sanh. KT tiêm ngừa Viêm gan siêu vi B, BCG cho trẻ sau sinh. KT tắm trẻ thường ngày.	Phụ sản	2	20	150	450	0	20

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
					KT TB vết mổ lấy thai. Lập KHCS thai phụ có bệnh lý trong 3 tháng đầu thai kỳ. Lập KHCS thai phụ có bệnh lý trong 3 tháng cuối thai kỳ. Lập KHCS NB bị nhiễm khuẩn đường sinh sản. Lập KHCS NB bị rối loạn kinh nguyệt.							
6	6720301	Đại học	Điều dưỡng	Thực hành kỹ năng lâm sàng chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực	Tiếp đón NB đến khám và điều trị, ghi hồ sơ. Đo dấu hiệu sinh tồn. KT cho NB thở oxy, hút đàm nhớt. Lấy máu xét nghiệm. Phụ giúp BS đặt catheter TMTT.	Cấp cứu	1	10	10	30	0	10
					Kỹ thuật phụ giúp BS đặt catheter TMTT. TD NB bằng máy monitor. Kỹ thuật tiêm thuốc bằng bơm tiêm điện. KT bằng máy truyền dịch tự động. Lập KHCS NB ngộ độc. Lập KHCS NB điện giật. Lập KHCS NB rắn độc	HSTC&CĐ	1	10	34	102	0	10

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
					cẩn. Lập KHCS NB shock.							
7	7720301	Đại học	Điều dưỡng	Thực hành kỹ năng lâm sàng chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa nâng cao	CSNB tai biến mạch máu não + Hồi, khám triệu chứng lâm sàng. + Nhận định, lập KHCS + HD cho người nhà cách chăm sóc, phòng bệnh cho NB. KT đo điện tim KT thông tiểu Tiêm - truyền qua bơm tiêm tự động CSNB bệnh suy thận mãn: + Nhận định, lập KHCS. + HD, giáo dục cho người nhà tạo cách chăm sóc, phòng bệnh cho NB. Kỹ thuật tiêm truyền. Tiếp nhận NB. viêm đại tràng mạn đến khám bệnh và điều trị tại khoa Nội Tổng hợp CSNB viêm đại tràng mạn + Nhận định, lập KHCS. + HD cho người nhà cách chăm sóc, phòng bệnh	Nội Thần kinh	1	10	97	291	0	10
						Nội Tổng	1	10	130	390	0	10

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
					cho NB. KT lấy bệnh phẩm làm XN. KT cho NB ăn qua ống sonde							
8	7720301	Đại học	Điều dưỡng	Thực hành kỹ năng lâm sàng phục hồi chức năng	PHCN cho NB tai biến mạch máu não. PHCN cho NB gãy xương. PHCN cho NB. bỏng. PHCN cho trẻ bại não. PHCN trước và sau phẫu thuật ổ bụng và lồng ngực.	VLTL-PHCN	1	10			0	10
9	7720301	Đại học	Điều dưỡng	Thực hành kỹ năng lâm sàng chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa	CSNB tâm phế mạn + Nhận định, lập KHCS. + HD cho người nhà cách CS, phòng bệnh cho NB. KT hút đàm, thở oxy. KT phun khí dung. Tiếp nhận NB basedow đến khám bệnh và điều trị tại khoa Nội Tổng hợp. CSNB basedow + Nhận định, lập KHCS + HD cho người nhà cách CS, phòng bệnh cho NB. Tiếp nhận NB loãng xương, thoái hóa khớp đến khám bệnh và điều trị	Nội Tổng hợp	1	10	130	390	0	10

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
					tại khoa Nội Tổng hợp. CSNB loãng xương, thoái hóa khớp + Nhận định, lập KHCS + HD cho người nhà cách CS, phòng bệnh cho NB.							
10	7720301	Đại học	Điều dưỡng	Thực hành kỹ năng lâm sàng chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh ngoại khoa	Tiếp nhận NB đến khám bệnh và điều trị tại khoa Ngoại Tổng hợp. Lập KHCS NB chấn thương sọ não Di chuyển NB Tiếp nhận NB đến khám bệnh và điều trị tại khoa Ngoại Tổng hợp. Lập KHCS NB chấn thương ngực.	Ngoại Tổng hợp	1	10	103	309	0	10
11	7720301	Đại học	Điều dưỡng	Thực tập thực tế nghề nghiệp	Tiếp nhận NB đến khám bệnh và điều trị tại khoa Nội tim mạch - Lão học CSNB bệnh về hệ tim mạch: tăng huyết áp, suy tim, nhồi máu cơ tim, tâm phế mãn + Nhận định, lập KHCS + HD người nhà cách chăm sóc, phòng bệnh cho NB.	Nội TM-LH	1	10	94	282	0	10

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
					KT đo DHST KT đo điện tim.							
					Tiếp nhận NB đến khám và điều trị tại khoa Nội TH CSNB bệnh hệ hô hấp. + Hỏi, khám triệu chứng lâm sàng. + Nhận định, lập KHCS. + HD cho người nhà cách CS, phòng bệnh cho NB. CSNB bệnh hệ nội tiêu hóa: + Nhận định, lập KHCS + hợp HD cho người nhà cách CS, phòng bệnh cho NB. KT cho ăn qua sonde. KT lấy bệnh phẩm làm XN. CSNB bệnh hệ nội thận: + Nhận định, lập KHCS + Hướng dẫn, giáo dục cho người nhà cách chăm sóc, phòng bệnh cho NB.	Nội Tổng hợp	1	10	130	390	0	10
					Tiếp nhận NB đến khám bệnh và điều trị tại khoa Truyền nhiễm. CSNB Truyền nhiễm. + Nhận định, lập KHCS + HD cho người nhà cách	Truyền nhiễm	1	10	72	216	0	10

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
					CS, phòng bệnh cho NB. KT cho NB uống thuốc, Tiếp nhận NB đến khám bệnh và điều trị tại khoa Ngoại TH Nhận định, lập KHCS Thực hiện KHCS NB ngoại khoa tiêu hóa, NB chấn thương sọ não Kỹ thuật bơm rửa ống dẫn lưu mật {Kehr}. KT tiêm truyền. KT hút đàm, thở oxy. KT lấy bệnh phẩm làm XN. KT cho NB ăn qua sonde							
					Tiếp nhận NB đến khám bệnh và điều trị tại khoa Ngoại Thận - TN. Nhận định, lập KHCS Thực hiện KHCS NB ngoại khoa hệ tiết niệu. KT thông tiểu. KT rửa bàng quang.	Ngoại Tổng hợp	1	10	103	309	0	10
					Tiếp nhận NB đến khám bệnh và điều trị tại khoa CTCH. Nhận định, lập KHCS Thực hiện KHCS NB gãy xương.	Ngoại Thận - Tiết niệu	1	10	50	150	0	10
					Tiếp nhận NB đến khám bệnh và điều trị tại khoa CTCH. Nhận định, lập KHCS Thực hiện KHCS NB gãy xương.	Chấn thương chỉnh hình	1	10	90	270	0	10

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
					KT thay băng, cắt chỉ. CSNB bó bột, kéo tạ.							
Tổng cộng							13	130	830	2490	0	130

3.2. Cao đẳng/ Điều dưỡng

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	6720301	Cao đẳng	Điều dưỡng	Thực hành kỹ năng lâm sàng Điều dưỡng cơ sở và Kiểm soát nhiễm khuẩn	Tiếp nhận NB đến khám và điều trị tại khoa Nội Tổng hợp.	Nội Tổng hợp	1	10	130	390		10
					KT đo DHST							
					KT tiêm truyền							
					KT thở oxy, hút đàm nhớt.	Nội TM-LH	1	10	94	282		10
					Tiếp nhận NB đến khám và điều trị tại khoa Ngoại Tổng hợp. KT cho ăn qua sonde.	Ngoại Tổng hợp	1	10	103	309		10
					KT di chuyển NB KT thông tiểu	Ngoại Thận-TN	1	10	50	150		10
					KT thay băng, cắt chỉ vết thương.	CTCH	1	10	90	270		10
2	6720301	Cao đẳng	Điều dưỡng	Thực hành kỹ	Tiếp nhận NB đến khám và điều trị tại khoa Nội	Nội	1	10	97	291		10

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/Tin chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
				năng lâm sàng chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa và người cao tuổi.	thần kinh. KT đo DHST Lập KHCS NB cao tuổi mắc bệnh xương khớp. Lập KHCS NB bệnh lý hệ thần kinh.	Thần kinh						
					Tiếp nhận NB đến khám và điều trị tại khoa Nội Tổng hợp. KT thay băng vết thương. Lập KHCS NB bệnh lý hệ nội tiết.	Nội Tổng hợp	1	10	130	390		10
					Lập KHCS NB hệ hô hấp. KT tiêm truyền. KT thở oxy, hút đàm nhớt. Lập KHCS NB hệ tiêu hóa. KT di chuyển NB							
3	6720301	Cao đẳng	Điều dưỡng	Thực hành kỹ năng lâm sàng chăm sóc sức khỏe người lớn	Tiếp nhận NB đến khám và điều trị tại khoa Truyền nhiễm. KT đo DHST. KT cho ăn qua sonde. KT tiêm truyền. KT lấy máu XN. KT thở oxy, hút đàm nhớt. Cho ăn qua sonde mũi-dạ	Truyền nhiễm	1	10	72	216		10

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/Tin chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
				bệnh truyền nhiễm	dày. Trợ giúp BS chọc dịch não tủy Lập KHCS NB ly Lập KHCS NB cúm. Lập KHCS NB thủy đậu. Lập KHCS NB viêm màng não mủ. Lập KHCS NB uốn ván.							
4	6720301	Cao đẳng	Điều dưỡng	Thực hành kỹ năng lâm sàng chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh ngoại khoa	Tiếp đón NB đến khám và điều trị tại khoa Ngoại Tổng hợp. KT đo DHST. Di chuyển NB Lập KHCS NB mắc bệnh lý hệ tiêu hóa.	Ngoại Tổng hợp	1	10	103	309		10
					Tiếp đón KT đến khám và điều trị tại khoa Ngoại Thận-TN. KT thông tiểu KT TB, CS dẫn lưu Lập KHCS NB bệnh lý hệ tiết niệu.	Ngoại Thận-TN	1	10	50	150		10
					Tiếp đón KT đến khám và điều trị tại khoa Chấn thương chỉnh hình. KT thay băng, cắt chỉ. KT tiêm truyền. KT lấy máu xét nghiệm Lập KHCS NB bệnh lý hệ	CTCH	1	10	90	270		10

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/Tin chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
					ngoại xương khớp.							
5	6720301	Cao đẳng	Điều dưỡng	Thực hành kỹ năng lâm sàng chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ, gia đình	Tiếp nhận thai phụ đến khám và theo dõi định kỳ tại khoa sản. Tiến hành khám và theo dõi thai phụ trong 3 tháng đầu thai kỳ. Tiến hành khám và theo dõi thai phụ trong 3 tháng giữa thai kỳ. Tiến hành khám và theo dõi thai phụ trong 3 tháng cuối thai kỳ. TD dấu hiệu chuyển dạ. KT đỡ đẻ thường. Khám và nhận định trẻ sơ sinh sau sanh TD và chăm sóc vết may tầng sinh môn. Tư vấn và hướng dẫn cho sản phụ nuôi con bằng sữa mẹ. HD sản phụ áp dụng các biện pháp tránh thai sau sanh. KT tiêm ngừa Viêm gan siêu vi B, BCG cho trẻ sau sinh. KT tắm trẻ. KT TB vết mổ lấy thai.	Phụ sản	2	20	150	450		20

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/Tin chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
					Lập KHCS thai phụ có bệnh lý trong 3 tháng đầu thai kỳ. Lập KHCS thai phụ có bệnh lý trong 3 tháng cuối thai kỳ. Lập KHCS NB bị nhiễm khuẩn đường sinh sản. Lập KHCS NB bị rối loạn kinh nguyệt.							
6	6720301	Cao đẳng	Điều dưỡng	Thực hành kỹ năng lâm sàng chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực	Tiếp đón NB đến khám và điều trị, ghi hồ sơ. Đo DHST. KT cho NB thở oxy, hút đàm nhớt. Lấy máu xét nghiệm. Phụ giúp BS đặt catheter TMTT.	Cấp cứu	1	10	10	30		10
					KT phụ giúp BS đặt catheter TMTT. TD NB bằng máy monitor. KT tiêm thuốc bằng bơm tiêm điện. KT bằng máy truyền dịch tự động. Lập KHCS NB ngộ độc. Lập KHCS NB điện giật. Lập KHCS NB rắn độc cắn.	HSTC&CĐ	1	10	34	102		10

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/Tin chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
					Lập KHCS NB shock.							
7	6720301	Cao đẳng	Điều dưỡng	Thực hành kỹ năng lâm sàng phục hồi chức năng	PHCN cho NB TBMMN. PHCN cho NB gãy xương. PHCN cho NB bỏng. PHCN cho trẻ bại não. PHCN trước và sau PT ổ bụng và lồng ngực.	VLTL-PHCN	1	10				10
					CSNB tâm phế mạn + Hỏi, khám triệu chứng lâm sàng. + Nhận định, lập KHCS. + HD cho người nhà cách chăm sóc, phòng bệnh cho NB. KT hút đàm, thở oxy. KT phun khí dung.	Nội Tổng hợp	1	10	130	390		10
8	6720301	Cao đẳng	Điều dưỡng	Thực hành kỹ năng lâm sàng chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa	CSNB TBMMN + Hỏi, khám triệu chứng lâm sàng. + Nhận định, lập KHCS. + HD cho người nhà cách chăm sóc, phòng bệnh cho NB. KT đo điện tim KT thông tiểu Tiêm - truyền qua bơm tiêm tự động	Nội Thần kinh	1	10	97	291		10
					CSNB bệnh suy thận mãn:	Nội Tổng	1	10	130	390		10

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
				nâng cao	+ Nhận định, lập KHCS + HD cho người nhà tạo cách chăm sóc, phòng bệnh cho NB. KT tiêm truyền. Tiếp nhận NB viêm đại tràng mạn đến khám bệnh và điều trị tại khoa Nội Tổng hợp. CSNB viêm đại tràng mãn + Nhận định, lập KHCS + HD cho người nhà cách chăm sóc, phòng bệnh cho NB. KT lấy bệnh phẩm làm XN. KT cho NB ăn qua sonde Tiếp nhận NB basedow đến khám bệnh và điều trị tại khoa Nội TH. Chăm sóc NB basedow + Nhận định, lập KHCS + HD cho người nhà cách chăm sóc, phòng bệnh cho NB Tiếp nhận NB loãng xương, thoái hóa khớp đến khám bệnh và điều trị tại khoa Nội Tổng hợp. CSNB loãng xương, thoái	hợp						

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/Tin chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
					hóa khớp + Nhận định, lập KHCS + HD cho người nhà cách chăm sóc, phòng bệnh cho NB.							
9	6720301	Cao đẳng	Điều dưỡng	Thực hành kỹ năng lâm sàng chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh ngoại khoa	Tiếp nhận NB đến khám bệnh và điều trị tại khoa Ngoại Tổng hợp. Lập KHCS NB chấn thương sọ não Di chuyển NB Tiếp nhận NB đến khám bệnh và điều trị tại khoa Ngoại Tổng hợp. Lập KHCS NB chấn thương ngực.	Ngoại Tổng hợp	1	10	103	309		10
10	6720301	Cao đẳng	Điều dưỡng	Thực tập thực tế nghề nghiệp	Tiếp nhận NB đến khám bệnh và điều trị tại khoa Nội TM-LH. CSNB về hệ tim mạch: tăng huyết áp, suy tim, nhồi máu cơ tim, Tâm phế mãn + Hỏi, khám triệu chứng lâm sàng. + Nhận định, lập KHCS. + GD cho người nhà cách	Nội TM-LH	1	10	94	282		10

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
					chăm sóc, phòng bệnh cho NB. KT đo DHST. KT đo điện tim.							
					Tiếp nhận NB đến khám bệnh và điều trị về hệ hô hấp tại khoa Nội TH + Hỏi, khám triệu chứng lâm sàng. + Nhận định, lập KHCS. + HD cho người nhà cách chăm sóc, phòng bệnh cho NB.	Nội Tổng hợp	1	10	130	390		10
					CSNB bệnh hệ nội TH: + Nhận định, lập KHCS. + HD cho người nhà cách chăm sóc, phòng bệnh cho NB. KT cho ăn qua sonde. KT lấy bệnh phẩm làm xét nghiệm.							
					CSNB bệnh hệ nội thận: + Nhận định, lập KHCS. + HD cho người nhà cách chăm sóc, phòng bệnh cho người bệnh.							
					Tiếp nhận NB đến khám bệnh và điều trị tại khoa Truyền nhiễm. CSNB truyền nhiễm.	Truyền nhiễm	1	10	72	216		10

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
					+ Nhận định, lập KHCS. + HD cho người nhà cách chăm sóc, phòng bệnh cho NB. KT cho NB uống thuốc							
					Ghi chép bệnh án và biểu mẫu chăm sóc ngoại khoa. Phụ tiếp dụng cụ phẫu thuật đơn giản Phụ giúp BS cố định gãy xương, bó bột Phụ giúp BS trích nhọt, áp xe, làm tiểu phẫu	CTCH	1	10	90	270		10
					Tiếp nhận NB đến khám bệnh và điều trị tại khoa Ngoại tổng hợp. Nhận định, lập kế hoạch và thực hiện KHCS NB ngoại hệ tiêu hóa. KT bơm rửa ống dẫn lưu mật {Kehr}. KT tiêm truyền.	Ngoại Tổng hợp	1	10	103	309		10
					Tiếp nhận NB đến khám bệnh và điều trị tại khoa Ngoại Thận - Tiết niệu. Nhận định, lập kế hoạch và thực hiện KHCS NB ngoại khoa hệ tiết niệu. KT thông tiểu. KT rửa bàng quang.	Ngoại Thận-TN	1	10	50	150		10

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
					Tiếp nhận NB đến khám bệnh và điều trị tại khoa chấn thương chỉnh hình. Nhận định, lập kế hoạch và thực hiện KHCS NB gãy xương. KT thay băng, cắt chỉ. CSNB bó bột, kéo tạ.	CTCH	1	10	90	270		10
					Tiếp nhận NB đến khám bệnh và điều trị tại khoa Ngoại Tổng hợp. Nhận định, lập kế hoạch và thực hiện KHCS NB chấn thương sọ não. KT hút đàm, thở oxy. KT lấy bệnh phẩm làm xét nghiệm. KT cho NB ăn qua sonde	Ngoại Tổng hợp	1	10	103	309		10
Tổng cộng							13	195	830	2490	0	195

IV. Hộ sinh

4.1. Đại học/ Hộ sinh

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	7720302	Đại học	Hộ sinh	Thực hành kỹ năng lâm sàng Điều dưỡng cơ sở và Kiểm soát nhiễm khuẩn	Tiếp đón NB đến khám và điều trị. Ghi hồ sơ	Nội Tổng hợp	1	10	130	390	0	10
					Di chuyển NB							
					VSRM cho NB							
					Chuẩn bị dụng cụ tiệt khuẩn							
					Đo dấu hiệu sinh tồn							
					Cho NB uống thuốc							
					Pha thuốc kháng sinh							
					Kỹ thuật tiêm							
					Kỹ thuật truyền dịch							
					Thông tiểu	Ngoại Tổng hợp	1	10	103	309	0	10
					Cho NB ăn qua sonde mũi-dạ dày							
					Lấy máu xét nghiệm							
					Cho NB thở oxy qua canula							
					Hút đàm nhớt hô hấp trên	CTCH	1	10	90	270	0	10
					Thay băng vết thương							
					Chăm sóc ống dẫn lưu							
					Cắt chi vết khâu							
2	7720302	Đại học	Hộ sinh	Thực hành kỹ năng lâm sàng Sản vòng 1	Phát hiện thai sớm bằng cách thử Quicktick.	Phòng khám thai	2	20			0	20
					Tính tuổi thai, ngày dự sanh.							
					Khám thai ngoài thành bụng: xác định ngôi, thể, độ lọt, vị trí nghe tim thai.							
					Nghe tim thai.							

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
					Tiêm ngừa VAT cho thai phụ. Đo Nonstresstest đánh giá sức khỏe thai nhi. Tư vấn các xét nghiệm sàng lọc trước sinh cho thai phụ trong từng giai đoạn của thai kỳ.							
2	7720302	Đại học	Hộ sinh	Thực hành kỹ năng lâm sàng Sản vòng 1	Thực hiện khám chẩn đoán chuyên dạ: - Bắt co gò tử cung - Đo bề cao tử cung - Khám xác định ngôi, thể, độ lọt của thai (ngoài thành bụng) - Khám xác định ngôi, thể, kiểu thể, độ lọt của thai (khám âm đạo) - Khám đánh giá khung chậu trên lâm sàng Vẽ và phân tích biểu đồ chuyên dạ. Chuẩn bị dụng cụ: - Dụng cụ đỡ đẻ thường - Dụng cụ cắt, may tầng sinh môn - Dụng cụ đỡ nhau, kiểm tra nhau - Dụng cụ hồi sức sơ sinh Đỡ đẻ ngôi chỏm (kiểu sỏ	Phòng sanh	2	20	7	21	0	20

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
					chăm - vệ)							
					Xử trí tích cực giai đoạn 3, kiểm tra bánh nhau							
					KT cắt tầng sinh môn							
					KT khâu tầng sinh môn							
					Tư vấn cho thai phụ trong khi chuyển dạ: - HD cách thở khi có cơn co tử cung - HD cách rặn khi sổ thai - Tư vấn về chăm sóc da kề da mẹ và bé - Tư vấn cho trẻ bú sớm ngay sau đẻ.							
2	7720302	Đại học	Hộ sinh	Thực hành kỹ năng lâm sàng Sản vòng 1	Tư vấn cho sản phụ sau đẻ: - HD tự theo dõi sự co hồi tử cung, lượng sản dịch. - HD cho trẻ bú mẹ. - HD cách theo dõi và chăm sóc trẻ sơ sinh. - HD cách theo dõi và cs vết khâu tầng sinh môn.	Phòng sanh	2	20	7	21		20
					Tiêm Vitamin K, vacin viêm gan B cho trẻ sơ sinh							
					CS sơ sinh bình thường ngay sau đẻ: - Đánh giá chỉ số Apgar - Đảm bảo tiếp xúc da kề da							

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
					- Tiến hành khám thực thể cho trẻ sơ sinh							
					- TD sự thích nghi của trẻ sơ sinh với cuộc sống bên ngoài tử cung							
					KT Tiêm bắp							
					KT Tiêm truyền tĩnh mạch							
					KT Thông tiểu nữ							
					KT Cho thai phụ thở oxy qua mũi							
					Khám sản phụ sau sanh thường:							
					- Tổng trạng							
					- Sự tiết sữa							
					- Sự co hồi tử cung							
					- vết may tầng sinh môn, Lượng sản dịch							
2	7720302	Đại học	Hộ sinh	Thực hành kỹ năng lâm sàng Sản vòng 1	Thực hiện khám trẻ sơ sinh sau đẻ	Phòng bệnh	2	20	150	450	0	20
					Tắm trẻ sơ sinh và chăm sóc rốn hàng ngày.							
					Tiêm ngừa lao (BCG) cho trẻ sơ sinh.							
					Làm thuốc âm hộ.							
					Thay băng vết mổ lấy thai.							
					Tư vấn bà mẹ nuôi con bằng sữa mẹ							
					Tư vấn các biện pháp tránh thai cho bà mẹ sau đẻ.							

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/Tin chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
					Lập kế hoạch chăm sóc cho thai phụ bị xuất huyết trong nửa đầu thai kỳ							
					Lập kế hoạch chăm sóc cho thai phụ bị xuất huyết trong nửa cuối thai kỳ							
3	7720302	Đại học	Hộ sinh	Thực hành kỹ năng lâm sàng Sản vòng 2 Chăm sóc Sản - Nhi - KHHGD	Thực hiện khám chẩn đoán chuyên dạ đẻ khó: - Bắt co gò tử cung - Đo bề cao tử cung - Khám xác định ngôi thai bất thường (ngoài thành bụng) - Khám xác định ngôi thai bất thường (Khám âm đạo) - Khám đánh giá khung chậu trên lâm sàng Thực hiện đo Nonstresstest, Stesstest cho thai phụ, phát hiện những bất thường khi đo NST. Vẽ, phân tích biểu đồ chuyển dạ và đề nghị hướng xử trí trong trường hợp đẻ khó. Chuẩn bị dụng cụ cho một cuộc đẻ: - Dụng cụ đỡ đẻ thường - Dụng cụ cắt, may tầng sinh môn	Phòng sanh	2	20	7	21	0	20

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
					- Dụng cụ đỡ nhau, kiểm tra nhau - Dụng cụ hồi sức sơ sinh (trong trường hợp cấp cứu). - Đỡ đẻ ngôi chỏm (kiểu sổ chằm - vệ) - Đỡ đẻ ngôi chỏm (kiểu sổ chằm - cùng) - Đỡ đẻ ngôi mông - Xử trí tích cực giai đoạn 3, kiểm tra bánh nhau - KT cắt, khâu tầng sinh môn - KT soát lòng tử cung - KT bóc nhau nhân tạo - Can thiệp khi đẻ bằng Kỹ thuật giác hút - Tư vấn cho thai phụ trong khi chuyển dạ đẻ khó: - Hướng dẫn cách thờ khi có cơn co tử cung - Hướng dẫn cách rặn khi sổ thai - Tư vấn về chăm sóc da kề da mẹ và bé - Tư vấn cho trẻ bú sớm ngay sau sanh - Tư vấn cho sản phụ ngay sau đẻ khó (có nguy cơ chảy máu sau đẻ) -Hướng dẫn tự theo dõi sự co							

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
					hồi tử cung, huyết âm đạo							
					Tiêm bắp							
					Tiêm truyền tĩnh mạch							
					Thông tiểu nữ							
					Cho thai phụ thở oxy qua mũi							
					Chuẩn bị sản phụ trước mổ: - Hoàn tất hồ sơ bệnh án, ký cam kết - Hoàn tất các XN tiền phẫu - Làm vệ sinh thai phụ trước mổ - Giải thích tình trạng hiện tại cho thai phụ yên tâm							
					TD, chăm thai phụ đang thực hiện nghiệm pháp lọt.							
					TD, chăm thai phụ đang thực hiện sanh chỉ huy.							
3	7720302	Đại học	Hộ sinh	Thực hành kỹ năng lâm sàng Sản vòng 2 Chăm sóc Sản - Nhi - K.HHGD	Lập kế hoạch chăm sóc cho thai phụ đang chuyển dạ trong những trường hợp sanh khó.	Phòng sanh	2	20	7	21	0	20
					Lập kế hoạch chăm sóc cho thai phụ có bệnh lý trong thai kỳ	Phòng Thủ thuật	2	20			0	20
					Phát hiện thai sớm bằng cách thử Quicktick.							
					Khám âm đạo xác định thai, tư thế, tính chất của tử cung.							
					Chuẩn bị dụng cụ đặt dụng							

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
					cụ tử cung.							
					Chuẩn bị dụng cụ hút thai chân không.							
					KT đặt dụng cụ tử cung.							
					KT hút thai chân không.							
					TV cho khách hàng trước đặt dụng cụ tử cung							
					TV cho khách hàng trước hút thai chân không							
					TV cho khách hàng trước phá thai bằng thuốc							
					TD và CS khách hàng sau đặt dụng cụ tử cung							
					TD và chăm sóc khách hàng sau phá thai							
					HD các dấu hiệu bất thường sau đặt dụng cụ tử cung cho khách hàng tự theo dõi tại nhà và lịch tái khám							
					HD các dấu hiệu bất thường sau phá thai cho khách hàng tự theo dõi tại nhà và lịch tái khám.							
					Tư vấn cho khách hàng chọn biện pháp tránh thai phù hợp sau phá thai.							
					Xử lý dụng cụ sau sử dụng đúng quy trình.							
					Bảo quản và sử dụng dụng cụ sau TK đúng quy trình							

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
4	7720302	Đại học	Hộ sinh	Thực hành kỹ năng lâm sàng Chăm sóc sức khỏe tại bệnh viện (Chăm sóc Hồi sức sản khoa)	CS hồi sức sản khoa	Phòng sanh	2	20	7	21	0	20
					Lập KHCS thai phụ sau hồi sức ngừng tim - hô hấp.							
					Lập KHCS sản phụ sau hồi sức choáng nhiễm trùng.							
					Lập KHCS thai phụ có nguy cơ choáng do thần kinh phản xạ.							
					Lập kế hoạch chăm sóc cho thai phụ, sản phụ có nguy cơ choáng được chỉ định sử dụng dung dịch thay thế huyết tương.							
					Lập KHCS cho thai phụ, sản phụ có nguy cơ choáng được chỉ định sử dụng dung dịch thay thế máu.							
					Lập KHCS sản phụ sau hồi sức choáng do mất máu.							
5	7720302	Đại học	Hộ sinh	Thực hành kỹ năng lâm sàng chăm sóc sức khỏe tại tuyến cơ sở	CS sức khỏe Vị thành niên – người cao tuổi	Phòng khám phụ khoa	2	20			0	20
					Lập KH, thực hiện CS vị thành niên bị rối loạn kinh nguyệt.							
					KH, thực hiện CS PN mãn kinh có khối u sinh dục.							
					Lập KH và thực hiện chăm sóc phụ nữ tuổi mãn kinh bị rối loạn kinh nguyệt.							
					TV các biện pháp tránh thai							

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
					cho tuổi vị thành niên. TV về kỹ năng sống cho vị thành niên. TV những thay đổi về tâm sinh lý ở tuổi tiền mãn kinh							
6	7720302	Đại học	Hộ sinh	Thực tập thực tế tốt nghiệp	Chăm sóc sau đẻ nâng cao Tiêm chủng VAT cho thai phụ. TTV cho thai phụ chăm sóc trẻ sơ sinh và cho trẻ bú mẹ TV cho thai phụ về chế độ dinh dưỡng, vệ sinh và tình dục trong lúc mang thai. Lập KHCS cho thai phụ có bệnh lý bất thường trong thai kỳ	Phòng khám thai	2	20			0	20
					CS bà mẹ trong khi đẻ Khám, làm HS nhập viện cho TP đang chuyển dạ TD và CS thai phụ chuyển dạ đẻ thường TD và CS thai phụ chuyển dạ đẻ khó Vẽ biểu đồ chuyển dạ Chuẩn bị dụng cụ đỡ đẻ. TH đỡ đẻ kiểu chằm - vệ TH đỡ đẻ kiểu chằm - cùng Thực hiện đỡ đẻ ngôi mông	Phòng sanh	2	20	7	21	0	20
				Thực hành kỹ	KT xử trí núm vú bất thường ở bà mẹ sau đẻ.	Phòng bệnh	2	20	150	450	0	20

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
				năng lâm sàng chăm sóc sức khỏe tại tuyến cơ sở	KT xử trí cương tắc tuyến vú ở bà mẹ sau đẻ. TV bà mẹ nuôi con bằng sữa mẹ trong trường hợp trẻ bị nhẹ cân, non tháng. TV lịch tiêm chủng cho trẻ sau đẻ. KT lấy máu gót chân cho trẻ sơ sinh. KT CS cho trẻ vàng da đang chiếu đèn KT Massage cho trẻ sau sinh XD chế độ ăn dặm cho trẻ.							
8	7720302	Đại học	Hộ sinh	Thực tập thực tế tốt nghiệp	CS bà mẹ trong thai kì Hỏi để làm sổ khám thai, sổ quản lý thai nghén. Khám toàn thân cho TP Làm XN phát hiện thai sớm. Theo dõi nghiệm pháp lọt, để chỉ huy Chuẩn bị cho một cuộc mổ đẻ Cho thai phụ thở oxy Đỡ nhau- kiểm tra nhau Thực hiện khâu tầng sinh môn Chăm sóc trẻ sơ sinh ngay sau đẻ Tiêm bắp Tiêm tĩnh mạch	Phòng khám thai	2	20				20
						Phòng sanh	2	20	7	21		20

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
					Truyền dịch							
					Phụ xử trí trẻ sơ sinh bị ngạt							
					Kiểm tra cổ tử cung bằng tay							
					Phụ kiểm tra cổ tử cung bằng dụng cụ							
					Phát hiện và phụ xử trí chảy máu sau đẻ							
					Lập KHCS cho thai phụ đang chuyển dạ đẻ thường							
					Chăm sóc bà mẹ sau đẻ	Phòng bệnh	2	20	150	450	0	20
					Làm thuốc cho sản phụ							
					Khám và theo dõi sản phụ sau sanh thường, sanh khó							
					Khám và TD trẻ sơ sinh							
					Tắm trẻ sơ sinh							
					TTD cho trẻ sơ sinh							
					Thay băng vết mổ lấy thai							
					HD bà mẹ cho trẻ bú đúng cách							
					Tư vấn KHHGĐ cho sản phụ sau đẻ							
					Lập KHCS cho sản phụ sau sanh thường, sanh khó							
					Chăm sóc sức khỏe phụ nữ	Phòng khám phụ khoa	2	20			0	20
					TV khám sức khỏe trước khi có thai (tiền sản)							
					TV và thực hiện các XN sàng lọc ung thư phụ khoa (phết tế bào CTC, soi CTC)							
					Tư vấn tiêm vaccine HPV							

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
					Khám âm đạo đánh giá tư thế, tính chất của tử cung Đặt mỏ vịt quan sát CTC: đánh giá tình trạng CTC, âm đạo. Khám NB u nang buồng trứng, u xơ tử cung Chăm sóc sản phụ trước mổ Chăm sóc sản phụ sau mổ Lập KHCS cho NB phụ khoa							
Tổng cộng							5	50	323	969	0	50

4.2. Cao đẳng/ Hộ sinh

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	6720303	Cao đẳng	Hộ sinh	Thực hành kỹ năng lâm sàng Điều dưỡng cơ sở và Kiểm soát nhiễm	Tiếp đón NB đến khám và điều trị. Ghi hồ sơ Di chuyển NB VSRM cho NB Chuẩn bị dụng cụ tiệt khuẩn Đo dấu hiệu sinh tồn Cho NB uống thuốc Pha thuốc kháng sinh Kỹ thuật tiêm Kỹ thuật truyền dịch	Nội Tổng hợp	1	10	130	390		10

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
				khuẩn	Thông tiểu	Ngoại Tổng hợp	1	10	103	309		10
					Cho NB ăn qua sonde mũi-dạ dày							
					Lấy máu xét nghiệm							
					Cho NB thở oxy qua canula							
					Hút đàm nhớt hô hấp trên							
					Thay băng vết thương	CTCH	1	10	90	270		10
					Chăm sóc ống dẫn lưu							
					Cắt chi vết khâu							
2	6720303	Cao đẳng	Hộ sinh	Thực hành kỹ năng lâm sàng Sản vòng 1	Phát hiện thai sớm bằng cách thử Quicktick.	Phòng khám thai	2	20				20
					Tính tuổi thai, ngày dự sanh.							
					Khám thai ngoài thành bụng: xác định ngôi, thể, độ lọt, vị trí nghe tim thai.							
					Nghe tim thai.							
					Tiêm ngừa VAT cho thai phụ.							
					Đo Nonstresstest đánh giá sức khỏe thai nhi.							
					Tư vấn các xét nghiệm sàng lọc trước sinh cho thai phụ trong từng giai đoạn của thai kỳ.							
2	6720303	Cao đẳng	Hộ sinh	Thực hành kỹ năng lâm sàng Sản vòng 1	Thực hiện khám chẩn đoán chuyển dạ: - Bắt co gò tử cung - Đo bề cao tử cung - Khám xác định ngôi, thể, độ lọt của thai (ngoài thành	Phòng sanh	2	20	7	21		20

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
					bụng) - Khám xác định ngôi, thế, kiểu thế, độ lọt của thai (khám âm đạo) - Khám đánh giá khung chậu trên lâm sàng Vẽ và phân tích biểu đồ chuyển dạ. Chuẩn bị dụng cụ: - Dụng cụ đỡ đẻ thường - Dụng cụ cắt, may tầng sinh môn - Dụng cụ đỡ nhau, kiểm tra nhau - Dụng cụ hồi sức sơ sinh Đỡ đẻ ngôi chỏm (kiểu sổ chằm - vệ) Xử trí tích cực giai đoạn 3, kiểm tra bánh nhau KT cắt tầng sinh môn KT khâu tầng sinh môn Tư vấn cho thai phụ trong khi chuyển dạ: - HD cách thở khi có cơn co tử cung - HD cách rặn khi sổ thai - Tư vấn về chăm sóc da kề da mẹ và bé - Tư vấn cho trẻ bú sớm ngay sau đẻ.							

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
2	6720303	Cao đẳng	Hộ sinh	Thực hành kỹ năng lâm sàng Sản vòng 1	Tư vấn cho sản phụ sau đẻ: - HD tự theo dõi sự co hồi tử cung, lượng sản dịch. - HD cho trẻ bú mẹ. - HD cách theo dõi và chăm sóc trẻ sơ sinh. - HD cách theo dõi và cs vết khâu tầng sinh môn.	Phòng sanh	2	20	7	21		20
					Tiêm Vitamin K, vacin viêm gan B cho trẻ sơ sinh							
					CS sơ sinh bình thường ngay sau đẻ: - Đánh giá chỉ số Apgar - Đảm bảo tiếp xúc da kề da - Tiến hành khám thực thể cho trẻ sơ sinh - TD sự thích nghi của trẻ sơ sinh với cuộc sống bên ngoài tử cung							
					KT Tiêm bắp							
					KT Tiêm truyền tĩnh mạch							
					KT Thông tiểu nữ							
					KT Cho thai phụ thở oxy qua mũi							
					Khám sản phụ sau sanh thường: - Tổng trạng - Sự tiết sữa							

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
					- Sự co hồi tử cung - vết may tầng sinh môn, - Lượng sản dịch							
2	6720303	Cao đẳng	Hộ sinh	Thực hành kỹ năng lâm sàng Sản vòng 1	Thực hiện khám trẻ sơ sinh sau đẻ	Phòng bệnh	2	20	150	450		20
					Tắm trẻ sơ sinh và chăm sóc rốn hàng ngày.							
					Tiêm ngừa lao (BCG) cho trẻ sơ sinh.							
					Làm thuốc âm hộ.							
					Thay băng vết mổ lấy thai.							
					Tư vấn bà mẹ nuôi con bằng sữa mẹ							
					Tư vấn các biện pháp tránh thai cho bà mẹ sau đẻ.							
					Lập kế hoạch chăm sóc cho thai phụ bị xuất huyết trong nửa đầu thai kỳ							
3	6720303	Cao đẳng	Hộ sinh	Thực hành kỹ năng lâm sàng Sản vòng 2 Chăm sóc Sản - Nhi -	Thực hiện khám chẩn đoán chuyển dạ đẻ khó:	Phòng sanh	2	20	7	21		20
					- Bắt co gò tử cung - Đo bề cao tử cung - Khám xác định ngôi thai bất thường (ngoài thành bụng) - Khám xác định ngôi thai bất thường (Khám âm đạo)							

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
				KHHGD	- Khám đánh giá khung chậu trên lâm sàng							
3	6720303	Cao đẳng	Hộ sinh	Thực hành kỹ năng lâm sàng Sản vòng 2 Chăm sóc Sản - Nhi - K.HHGD	Thực hiện đo Nonstresstest, Stesstest cho thai phụ, phát hiện những bất thường khi đo NST.	Phòng sanh	2	20	7	21		20
					Vẽ, phân tích biểu đồ chuyển dạ và đề nghị hướng xử trí trong trường hợp đẻ khó.							
					Chuẩn bị dụng cụ cho một cuộc đẻ: - Dụng cụ đỡ đẻ thường - Dụng cụ cắt, may tầng sinh môn - Dụng cụ đỡ nhau, kiểm tra nhau - Dụng cụ hồi sức sơ sinh (trong trường hợp cấp cứu).							
					Đỡ đẻ ngôi chỏm (kiểu sổ chằm - vệ)							
					Đỡ đẻ ngôi chỏm (kiểu sổ chằm - cùng)							
					Đỡ đẻ ngôi mông							
					Xử trí tích cực giai đoạn 3, kiểm tra bánh nhau							
					KT cắt, khâu tầng sinh môn							
					KT soát lòng tử cung							
					KT bóc nhau nhân tạo							
					Can thiệp khi đẻ bằng Kỹ thuật giác hút							

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
					Tư vấn cho thai phụ trong khi chuyển dạ đẻ khó: - Hướng dẫn cách thờ khi có cơn co tử cung - Hướng dẫn cách rặn khi sổ thai - Tư vấn về chăm sóc da kề da mẹ và bé - Tư vấn cho trẻ bú sớm ngay sau sanh Tư vấn cho sản phụ ngay sau đẻ khó (có nguy cơ chảy máu sau đẻ) - Hướng dẫn tự theo dõi sự co hồi tử cung, huyết âm đạo Tiêm bắp Tiêm truyền tĩnh mạch Thông tiểu nữ Cho thai phụ thở oxy qua mũi Chuẩn bị sản phụ trước mổ: - Hoàn tất hồ sơ bệnh án, ký cam kết - Hoàn tất các XN tiền phẫu - Làm vệ sinh thai phụ trước mổ - Giải thích tình trạng hiện tại cho thai phụ yên tâm TD, chăm thai phụ đang thực hiện nghiệm pháp lọt.							

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
					TD, chăm thai phụ đang thực hiện sanh chỉ huy.							
3	6720303	Cao đẳng	Hộ sinh	Thực hành kỹ năng lâm sàng Sản vòng 2 Chăm sóc Sản - Nhi - K.HHGD	Lập kế hoạch chăm sóc cho thai phụ đang chuyển dạ trong những trường hợp sanh khó.	Phòng sanh	2	20	7	21		20
					Lập kế hoạch chăm sóc cho thai phụ có bệnh lý trong thai kỳ							
					Phát hiện thai sớm bằng cách thử Quicktick.	Phòng Thủ thuật	2	20				20
					Khám âm đạo xác định thai, tư thế, tính chất của tử cung.							
					Chuẩn bị dụng cụ đặt dụng cụ tử cung.							
					Chuẩn bị dụng cụ hút thai chân không.							
					KT đặt dụng cụ tử cung.							
					KT hút thai chân không.							
					TV cho khách hàng trước đặt dụng cụ tử cung							
					TV cho khách hàng trước hút thai chân không							
					TV cho khách hàng trước phá thai bằng thuốc							
					TD và CS khách hàng sau đặt dụng cụ tử cung							
					TD và chăm sóc khách hàng sau phá thai							
					HD các dấu hiệu bất thường							

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
					sau đặt dụng cụ tử cung cho khách hàng tự theo dõi tại nhà và lịch tái khám HD các dấu hiệu bất thường sau phá thai cho khách hàng tự theo dõi tại nhà và lịch tái khám. Tư vấn cho khách hàng chọn biện pháp tránh thai phù hợp sau phá thai. Xử lý dụng cụ sau sử dụng đúng quy trình. Bảo quản và sử dụng dụng cụ sau TK đúng quy trình							
4	6720303	Cao đẳng	Hộ sinh	Thực hành kỹ năng lâm sàng Chăm sóc sức khỏe tại bệnh viện (Chăm sóc Hồi sức sản khoa)	CS hồi sức sản khoa Lập KHCS thai phụ sau hồi sức ngừng tim - hô hấp. Lập KHCS sản phụ sau hồi sức choáng nhiễm trùng. Lập KHCS thai phụ có nguy cơ choáng do thần kinh phản xạ. Lập kế hoạch chăm sóc cho thai phụ, sản phụ có nguy cơ choáng được chỉ định sử dụng dung dịch thay thế huyết tương. Lập KHCS cho thai phụ, sản phụ có nguy cơ choáng được chỉ định sử dụng dung dịch	Phòng sanh	2	20	7	21		20

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
					thay thế máu. Lập KHCS sản phụ sau hồi sức choáng do mất máu.							
5	6720303	Cao đẳng	Hộ sinh	Thực hành kỹ năng lâm sàng chăm sóc sức khỏe tại tuyến cơ sở	CS sức khỏe Vị thành niên – người cao tuổi Lập KH, thực hiện CS vị thành niên bị rối loạn kinh nguyệt. KH, thực hiện CS PN mãn kinh có khối u sinh dục. Lập KH và thực hiện chăm sóc phụ nữ tuổi mãn kinh bị rối loạn kinh nguyệt. TV các biện pháp tránh thai cho tuổi vị thành niên. TV về kỹ năng sống cho vị thành niên. TV những thay đổi về tâm sinh lý ở tuổi tiền mãn kinh	Phòng khám phụ khoa	2	20				20
6	6720303	Cao đẳng	Hộ sinh	Thực tập thực tế tốt nghiệp	Chăm sóc sau đẻ nâng cao Tiêm chủng VAT cho thai phụ. TTV cho thai phụ chăm sóc trẻ sơ sinh và cho trẻ bú mẹ TV cho thai phụ về chế độ dinh dưỡng, vệ sinh và tình dục trong lúc mang thai. Lập KHCS cho thai phụ có bệnh lý bất thường trong thai kỳ	Phòng khám thai	2	20				20

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
					CS bà mẹ trong khi đẻ Khám, làm HS nhập viện cho TP đang chuyển dạ TD và CS thai phụ chuyển dạ dễ thường TD và CS thai phụ chuyển dạ dễ khó Vẽ biểu đồ chuyển dạ Chuẩn bị dụng cụ đỡ đẻ. TH đỡ đẻ kiểu chằm - vệ TH đỡ đẻ kiểu chằm - cùng Thực hiện đỡ đẻ ngôi mông	Phòng sanh	2	20	7	21		20
7	6720303	Cao đẳng	Hộ sinh	Thực hành kỹ năng lâm sàng chăm sóc sức khỏe tại tuyến cơ sở	KT xử trí núm vú bất thường ở bà mẹ sau đẻ. KT xử trí cương tắc tuyến vú ở bà mẹ sau đẻ. TV bà mẹ nuôi con bằng sữa mẹ trong trường hợp trẻ bị nhẹ cân, non tháng. TV lịch tiêm chủng cho trẻ sau đẻ. KT lấy máu gót chân cho trẻ sơ sinh. KT CS cho trẻ vàng da đang chiếu đèn KT Massage cho trẻ sau sinh XD chế độ ăn dặm cho trẻ.	Phòng bệnh	2	20	150	450		20
8	6720303	Cao đẳng	Hộ sinh	Thực tập thực tế tốt	CS bà mẹ trong thai kỳ Hỏi để làm sổ khám thai, sổ quản lý thai nghén.	Phòng khám thai	2	20				20

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
				nghiệp	Khám toàn thân cho TP							
					Làm XN phát hiện thai sớm.							
					Theo dõi nghiệm pháp lọt, để chỉ huy							
					Chuẩn bị cho một cuộc mổ đẻ							
					Cho thai phụ thở oxy							
					Đỡ nhau- kiểm tra nhau							
					Thực hiện khâu tầng sinh môn							
					Chăm sóc trẻ sơ sinh ngay sau đẻ							
					Tiêm bắp	Phòng sanh	2	20	7	21		20
					Tiêm tĩnh mạch							
					Truyền dịch							
					Phụ xử trí trẻ sơ sinh bị ngạt							
					Kiểm tra cổ tử cung bằng tay							
					Phụ kiểm tra cổ tử cung bằng dụng cụ							
					Phát hiện và phụ xử trí chảy máu sau đẻ							
					Lập KHCS cho thai phụ đang chuyển dạ đẻ thường							
					Chăm sóc bà mẹ sau đẻ							
					Làm thuốc cho sản phụ							
					Khám và theo dõi sản phụ sau sanh thường, sanh khó	Phòng bệnh	2	20	150	450		20
					Khám và TD trẻ sơ sinh							
					Tắm trẻ sơ sinh							
					TTD cho trẻ sơ sinh							

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
					Thay băng vết mổ lấy thai							
					HD bà mẹ cho trẻ bú đúng cách							
					Tư vấn KHHGĐ cho sản phụ sau đẻ							
					Lập KHCS cho sản phụ sau sanh thường, sanh khó							
					Chăm sóc sức khỏe phụ nữ							
					TV khám sức khỏe trước khi có thai (tiền sản)							
					TV và thực hiện các XN sàng lọc ung thư phụ khoa (phết tế bào CTC, soi CTC)							
					Tư vấn tiêm vaccine HPV							
					Khám âm đạo đánh giá tư thế, tính chất của tử cung	Phòng khám phụ khoa	2	20				20
					Đặt mỏ vịt quan sát CTC: đánh giá tình trạng CTC, âm đạo.							
					Khám NB u nang buồng trứng, u xơ tử cung							
					Chăm sóc sản phụ trước mổ							
					Chăm sóc sản phụ sau mổ							
					Lập KHCS cho NB phụ khoa							
Tổng cộng							5	75	323	969	0	75

V. Kỹ thuật phục hồi chức năng

5.1. Đại học/Kỹ thuật phục hồi chức năng (Trường Đại Học Trà Vinh)

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/ Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	7720603	Đại học	Kỹ thuật phục hồi chức năng	Thực hành các phương pháp điều trị trong VLTL-PHCN/ 03 Tín chỉ	- Vận động trị liệu - Kéo nắn trị liệu - Xoa bóp trị liệu - Ánh sáng trị liệu - Điện trị liệu - Thủy và nhiệt trị liệu - Khoáng và khí hậu trị liệu - Các Phương pháp thăm dò cận lâm sàng trong PHCN	Khoa Vật lý trị liệu-Phục hồi chức năng	02	20			0	20
2	7720603	Đại học	Kỹ thuật phục hồi chức năng	Thực tập lâm sàng VLTL Thần kinh – Cơ/ 04 tín chỉ	- Cách làm bệnh án VLTL-PHCN - VLTL Tai biến mạch máu não - VLTL bệnh Parkinson - VLTL Liệt hạ chi, liệt tứ chi - VLTL Chấn thương sọ não - VLTL Liệt thần kinh VII ngoại biên - VLTL Bại não - VLTL Tổn thương thần kinh ngoại biên	- Khoa Vật lý trị liệu-Phục hồi chức năng - Khoa Nội Thần kinh	02	20	97	291	0	20
3	7720603	Đại học	Kỹ thuật phục hồi	Thực tập lâm sàng	- Cách làm bệnh án VLTL-PHCN	- Khoa Vật lý trị liệu-	02	20	224	672	0	20

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/ Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
			chức năng	Vật lý trị liệu tim mạch - Hồ hấp/04 tín chỉ	- VLTL Viêm phổi, viêm màng phổi - VLTL Hen phế quản - VLTL Bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính - VLTL tràn dịch/tràn khí màng phổi - VLTL sau phẫu thuật mổ tim hở	Phục hồi chức năng - Khoa Nội tổng hợp - Khoa Nội Tim mạch – Lão học						
4	7720603	Đại học	Kỹ thuật phục hồi chức năng	Thực hành Vật lý trị liệu – Phục hồi chức năng trong bệnh lý nhi khoa/02 tín chỉ	- Lượng giá, kế hoạch trong thăm khám trẻ khuyết tật. - Các tật bẩm sinh và cách phát hiện. - PHCN cho trẻ Bại Não. - PHCN cho trẻ Bại liệt. - PHCN cho trẻ chậm phát triển tinh thần trí tuệ. - PHCN cho trẻ khuyết tật bán trú, các hoạt động vui chơi, âm ngữ trị liệu. - VLTL-PHCN Cho trẻ bị chấn thương thường gặp. - PHCN Trẻ bị khớp, bong, bệnh cơ	- Khoa Vật lý trị liệu- Phục hồi chức năng - Khoa Nhi	02	20	117	351	0	20
5	7720603	Đại học	Kỹ thuật phục hồi	Thực hành Vật lý trị	- Cách làm bệnh án VLTL-PHCN	- Khoa Vật lý trị liệu-	02	20	321	963	0	20

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/ Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
			chức năng	liệu – Phục hồi chức năng trong bệnh lý nội khoa/02 tín chỉ	- PHCN bệnh lý thần kinh cơ. - PHCN bệnh lý tim mạch. - PHCN bệnh lý hô hấp. - PHCN bệnh lý cơ, xương, khớp. - PHCN bệnh lý lão khoa. - PHCN bệnh lý sản phụ khoa, rối loạn tiết niệu sinh dục	Phục hồi chức năng - Khoa Nội Thần kinh - Khoa Nội tổng hợp - Khoa Nội Tim mạch – Lão học						
6	7720603	Đại học	Kỹ thuật phục hồi chức năng	Thực hành Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng Bệnh lý ngoại khoa, chấn thương chỉnh hình//03 tín chỉ	- Khám và lượng giá các khuyết tật trong chấn thương chỉnh hình - Các khuyết tật bệnh lý trong chấn thương chỉnh hình - PHCN sau phẫu thuật ổ bụng - PHCN trong phẫu thuật lồng ngực - PHCN cho bệnh nhân bị bỏng - Gãy xương và VLTL - Tổn thương dây chằng, gân cơ và VLTL - Tổn thương tủy sống do chấn thương và	- Khoa Vật lý trị liệu- Phục hồi chức năng - Khoa Ngoại tổng hợp - Khoa Chấn thương chỉnh hình - Khoa Sản	02	20	343	1029	0	20

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/ Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
					VLTL-PHCN - PHCN cho bệnh nhân chấn thương sọ não - PHCN cho bệnh nhân bị chấn thương phần mềm - PHCN chấn thương thần kinh ngoại biên - PHCN trong sản phụ khoa - Trật khớp, bong gân và VLTL-PHCN							
7	7720603	Đại học	Kỹ thuật phục hồi chức năng	Thực tập lâm sàng vật lý trị liệu Cơ xương/03 tín chỉ	- VLTL gãy xương chi trên - VLTL gãy xương chi dưới - VLTL chấn thương cột sống - VLTL trật khớp - VLTL thay khớp háng, thay khớp gối - VLTL các trường hợp viêm gân cơ - VLTL tổn thương mô mềm - VLTL vẹo cột sống	- Khoa Vật lý trị liệu-Phục hồi chức năng - Khoa Chấn thương chỉnh hình	02	20	90	270	0	20
8	7720603	Đại học	Kỹ thuật phục hồi chức năng	Thực tập lâm sàng vật lý trị liệu Da dẻ – Tiết niệu –	- VLTL Phồng - VLTL Viêm Đa khớp dạng thấp - VLTL Viêm cột sống	- Khoa Vật lý trị liệu-Phục hồi chức năng	02	20	140	420	0	20

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/học phần/ Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
				Nội tiết – Sinh dục/03 tín chỉ	đính khớp - VLTL Thoái hoá khớp - VLTL Viêm chu vi vai	- Khoa Chấn thương chỉnh hình - Khoa Ngoại Thận - Tiết niệu						
Tổng cộng							02	20	831	2493	0	20

4.2. Cao đẳng /Kỹ thuật phục hồi chức năng

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/học phần/ Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	6720604	Cao đẳng	Vật lý trị liệu/Phục hồi chức năng	Thực hành kỹ năng lâm sàng điều dưỡng cơ sở	Tiếp nhận NB đến khám, điều trị tại khoa Nội TH KT đo DHST	Nội TH	1	10	130	390	0	10
					KT hút đàm cho NB KT cho NB thở oxy							
					KT cấp cứu ngưng hô hấp tuần hoàn.	Nội TM-	1	10	94	282	0	10
					Tư vấn GDSK cho NBLH mắc bệnh nội khoa.							
					Tiếp nhận NB đến khám bệnh và điều trị tại khoa Ngoại Tổng hợp.	Ngoại TH	1	10	103	309	0	10
					KT lấy mẫu xét nghiệm.							
					KT tiêm truyền cho NB KT di chuyển, vận chuyển	CTCH	1	10	90	270	0	10

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/học phần/ Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
					NB TV, GDSK cho NB mắc bệnh ngoại khoa							
2	6720604	Cao đẳng	Vật lý trị liệu/Phục hồi chức năng	Các phương thức vật lý trị liệu	Kỹ thuật vận hành, bảo trì máy và phương tiện VLTL/PHCN KT chiếu đèn hồng ngoại KT siêu âm điều trị	VLTL- PHCN	4	40			0	40
3	6720604	Cao đẳng	Vật lý trị liệu/Phục hồi chức năng	Thực hành kỹ năng lâm sàng 1 (Lượng giá chức năng; Vận động trị liệu; Các phương thức VLTL)	KT điều trị sóng ngắn, vi sóng	VLTL- PHCN	4	40			0	40
4	6720604	Cao đẳng	Vật lý trị liệu/Phục hồi chức năng	Thực hành kỹ năng lâm sàng 2 (Bệnh lý và VLTL hệ cơ xương; VLTL hệ thần kinh – cơ; các tạng)	Tiếp nhận NB đến khám bệnh và điều trị tại khoa: - Phân hành chánh (thu thập thông tin NB và các giấy tờ có liên quan). - HD nội quy khoa, phòng, bệnh viện. - Giải thích, động viên NB. - Thăm khám thể chất. KT lượng giá chức năng:	VLTL- PHCN	4	40			0	40

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/học phần/ Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
					Thử cơ, đo tầm vận động, đo chu vi chi. Làm bệnh án VLTL-PHCN cho KT hệ cơ xương. Làm bệnh án VLTL-PHCN cho NB hệ thần kinh, cơ Tập vận động thụ động, trợ giúp, tự do, có đề kháng KT kéo giãn KT co nghỉ và giữ nghỉ KT thư giãn KT kéo lưng, kéo cổ HD NB di chuyển với dụng cụ trợ giúp KT tập chức năng sinh hoạt hàng ngày KT tập luyện với băng trị liệu KT xoa bóp cơ bản KT xoa bóp vùng đầu mặt cổ KT xoa bóp vùng lưng KT xoa bóp vùng tay KT xoa bóp vùng chân KT vận hành, bảo trì máy và phương tiện VLTL/PHCN							

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/học phần/ Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
					KT chiếu đèn hồng ngoại KT siêu âm điều trị KT điều trị sóng ngắn, vi sóng KT tập hô hấp: tập thở ngực, thở bụng, tập ho, rung, dẫn lưu tư thế KT xoay trở và đặt tư thế tốt cho NB KT dịch chuyển tại giường: lăn lật, trôi lên, tụt xuống... KT tập ngồi dậy tại giường. KT tập thăng bằng, điều hợp ở vị thế ngồi, đứng KT di chuyển NB từ giường xuống xe lăn, từ ngồi đứng lên. KT giúp NB bước đi. KT tạo thuận chức năng: lăn lật, ngồi, bò, quỳ, đứng, đi cho trẻ bại não. HD sử dụng các loại nẹp, đai trợ giúp NB.							
5	6720604	Cao đẳng	Vật lý trị liệu/Phục hồi chức năng	Thực hành kỹ năng lâm sàng VLTL bệnh người	Tiếp nhận người bệnh đến khám bệnh và điều trị tại khoa thực tập: - Phân hành chánh (thu thập thông tin về người	VLTL-PHCN	4	40			0	40

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/học phần/ Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
				lớn (VLTL đa chấn thương; dụng cụ chỉnh hình YHCT và dưỡng sinh)	lớn (VLTL bệnh, và các giấy tờ có liên quan..). Hướng dẫn nội qui khoa, phòng của bệnh viện. Giải thích, động viên NB. Thăm khám thể chất. KT lượng giá chức năng: thử cơ, đo tâm vận động, đo chu vi chi. Làm bệnh án VLTL – PHCN cho NB hệ thần kinh, cơ. Làm bệnh án VLTL – PHCN cho NB thay khớp hông, khớp gối. Tập vận động thụ động, trợ giúp, tự do, có đề kháng. KT kéo giãn. KT co nghỉ và giữ nghỉ. HD NB di chuyển với dụng cụ trợ giúp di chuyển (gậy, nạng, xe lăn...). KT tập chức năng sinh hoạt hàng ngày. KT tập luyện với banh trị liệu KT xoa bóp cơ bản							

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/học phần/ Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
					KT đèn hồng ngoại KT siêu âm điều trị KT điều trị sóng ngắn, vi sóng KT tập hô hấp: tập thở ngực, thở bụng, tập ho, rung, dẫn lưu tư thế KT xoay trở và đặt tư thế tốt cho người bệnh KT dịch chuyển tại giường: lăn lật, trôi lên, tụt xuống... KT tập ngồi dậy tại giường KT tập thăng bằng, điều hợp ở vị thế ngồi, đứng KT di chuyển NB từ giường xuống xe lăn, từ ngồi đứng lên. KT giúp NB bước đi. HD cách sử dụng các loại nẹp, đai trợ giúp NB.							
6	6720604	Cao đẳng	Vật lý trị liệu/ Phục hồi chức năng	Thực tập nghề nghiệp	Tiếp nhận người bệnh đến khám bệnh và điều trị tại khoa thực tập: - Phân hành chánh (thu thập thông tin về người bệnh, và các giấy tờ có liên quan..). - Hướng dẫn nội quy	VLTL- PHCN	4	40			0	40

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/học phần/ Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
					khoa, phòng của BV. - Giải thích, động viên NB. - Thăm khám thể chất. VLTL-PHCN cho NB hệ cơ xương VLTL-PHCN cho NB hệ thần kinh, cơ. VLTL-PHCN cho NB thay khớp hông, khớp gối VLTL-PHCN cho NB chấn thương sọ não TH KT lượng giá chức năng: Thử cơ, đo tầm vận động, đo chu vi chi. Tập vận động thụ động, trợ giúp, tự do, có đề kháng KT kéo giãn KT co - nghỉ và giữ ghi KT thư giãn KT kéo lưng, kéo cổ HD NB di chuyển với dụng cụ trợ giúp di chuyển (gậy, nạng, xe lăn...) KT tập chức năng sinh hoạt hàng ngày KT tập luyện với banh trị liệu							

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/học phần/ Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
					KT xoa bóp cơ bản KT xoa bóp vùng đầu mặt cổ KT xoa bóp vùng lưng KT xoa bóp vùng tay KT xoa bóp vùng chân KT vận hành, bảo trì máy và phương tiện VLTL/PHCN KT chiếu đèn hồng ngoại KT siêu âm điều trị KT điều trị sóng ngắn, vi sóng KT tập hô hấp: tập thở ngực, thở bụng, tập ho, rung, dẫn lưu tư thế KT xoay trở và đặt tư thế tốt cho người bệnh KT dịch chuyển tại giường: lăn lật, trỗi lên, tụt xuống... KT tập ngồi dậy tại giường. KT tập ngồi dậy tại giường. KT tập thăng bằng, điều hợp ở vị thế ngồi, đứng. KT di chuyển NB từ giường xuống xe lăn, từ ngồi đứng lên.							

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/ Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
					KT giúp NB bước đi HD cách sử dụng các loại nẹp, đai trợ giúp NB.							
Tổng cộng							08	120	417	1251	0	120

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Đoàn Huỳnh Tuấn Tú